



Tác động kinh tế của chi tiêu công tại các quốc gia đang phát triển: Vai trò của cán cân ngân sách

TRẦN TRUNG KIÊN^a

^a Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<i>Ngày nhận : 21/11/2017</i> <i>Ngày nhận lại : 29/12/2017</i> <i>Duyệt đăng : 31/12/2017</i> Mã số: 1117-H59-V04 Mã phân loại JEL: H59; H72; H61 Từ khóa: Chi tiêu công; Cán cân ngân sách; Tăng trưởng kinh tế. Keywords: Public expenditure; Budget balance; Economic growth.	Bài viết phân tích tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển, trong đó, vai trò của cán cân ngân sách được xem xét. Với dữ liệu nghiên cứu là 66 quốc gia đang phát triển giai đoạn 1998–2016, kết quả nghiên cứu chỉ ra tác động tiêu cực của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế. Phát hiện đáng quan tâm từ nghiên cứu là trạng thái của cán cân ngân sách có vai trò quan trọng trong việc hiệu chỉnh tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế. Cụ thể, nghiên cứu này chỉ ra thâm hụt ngân sách sẽ làm trầm trọng hơn tác động tiêu cực của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế. Abstract This paper re-examines the impact of public expenditure on economic growth in developing countries, and the role of fiscal balance is particularly considered in this nexus. By using a panel covering 66 developing countries for the 1998–2016 period, the empirical results indicate the negative growth effect of public expenditure. Interestingly, the state of fiscal balance plays a significant role in explaining the growth effect of public expenditure. In particular, fiscal deficit is found to aggravate the negative growth effect of public expenditure.

^a kientt@ueh.edu.vn

1. Giới thiệu

Cùng với thuế, chi tiêu công là một thành phần quan trọng của tài chính công. Theo quan điểm tài chính công hiện đại, chi tiêu công không chỉ là việc chi tiêu của chính phủ mà còn là công cụ quan trọng giúp chính phủ điều tiết nền kinh tế vĩ mô hướng đến các mục tiêu phát triển (Hyman, 2014; Sử Đình Thành & Bùi Thị Mai Hoài, 2009). Vì vậy, tác động kinh tế của chi tiêu công trở thành chủ đề được nhiều học giả quan tâm nghiên cứu, đặc biệt là sau cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008. Sau khủng hoảng, các khuyến nghị về kiểm soát chi tiêu công được đưa ra, tuy vậy, việc cung cấp hàng hóa công lại được xem như dẫn xuất quan trọng cho tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu này tập trung khám phá vai trò của chi tiêu công đối với tăng trưởng kinh tế tại trường hợp các quốc gia đang phát triển.

Về mặt thực tiễn, mối quan hệ giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế rất cần được phân tích trong bối cảnh thực tế tại các quốc gia đang phát triển. Trong những thập niên gần đây, các quốc gia đang phát triển dần chuyển mình với tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao (IMF, 2014). Tuy nhiên, cùng với tốc độ tăng trưởng nhanh, quy mô của chi tiêu công cũng tăng dần do nhu cầu ngày càng nhiều về những hàng hóa, dịch vụ công cộng như giáo dục, chăm sóc sức khỏe cộng đồng hay cơ sở hạ tầng tại các quốc gia đang phát triển. Theo số liệu của IMF (2014), bắt đầu từ giữa những năm 1990, quy mô chi tiêu công tăng lên đáng kể, đặc biệt là sự gia tăng các khoản chi tiêu xã hội, chi đầu tư công. Ở những quốc gia thu nhập thấp, các khoản chi đầu tư công và chi thường xuyên như lương nhân viên trong các lĩnh vực y tế, giáo dục là tăng nhiều nhất. Tuy nhiên, tăng chi tiêu công thì cần có nguồn ngân sách tài trợ. Cũng theo số liệu của IMF (2014), quy mô chi tiêu công gia tăng được tài trợ từ khả năng thu thuế hiệu quả hơn bởi những cải tiến đáng kể trong quản lý tài chính và quản lý thuế. Dù vậy, nguồn thu thuế vẫn chưa đủ để tài trợ chi tiêu công, do đó, các quốc gia đang phát triển buộc phải vay nợ. Tỷ lệ nợ công gộp trên GDP trung bình ở các quốc gia đang phát triển giai đoạn 1998–2014 vẫn duy trì ở mức cao, đặc biệt cao ở các quốc gia đang phát triển vùng Nam Mỹ (trên 50% GDP); vùng Trung Đông và Bắc Phi (trên 60% GDP). Như vậy, số liệu thực tế cho thấy cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, các quốc gia đang phát triển đang phải đối mặt với các vấn đề về quy mô chi tiêu công và cân đối ngân sách. Do đó, việc cân bằng mức độ cung cấp các dịch vụ công phù hợp sao cho vừa đảm bảo mục tiêu tăng trưởng, vừa duy trì một gánh nặng thuế mà không gây hại tăng trưởng là một nhiệm vụ vô cùng thách thức.

Tổng quan các nghiên cứu thực nghiệm (Abounoori & Nademi, 2010; Alexiou, 2009; Alleyne & cộng sự, 2004; Altunc & Aydın, 2013; Chen & Lee, 2005; Dar & AmirKhalkhali, 2002; Easterly & Rebelo, 1993; Fölster & Henrekson, 2001; Grier & Tullock, 1989; Herath, 2012; Karras, 1993; Landau, 1985; Marlow, 1988; Pevcin, 2004; Schaltegger & Torgler, 2006) cho thấy kết quả kiểm định về tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế vẫn chưa rõ ràng. Lí giải cho kết quả kiểm định hỗn hợp này, một số nghiên cứu chỉ ra vai trò của của cách thức tài trợ ngân sách trong việc lí giải tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh

tế (Brahmbhatt & Canuto, 2012; Gemmell & cộng sự, 2012; Teles & Mussolini, 2014). Gemmell và cộng sự (2012) luận giải tác động thuần của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế còn phụ thuộc vào cách thức mà nó được tài trợ. Một sự tăng lên trong chi tiêu công nói chung phải có nguồn tài trợ, thường là từ tăng thuế. Dù vậy, với nguồn lực có giới hạn, chính phủ không thể mãi tăng thuế nên việc tài trợ chi tiêu công còn đến từ vay nợ (Teles & Mussolini, 2014; Zagler & Dürnecker, 2003). Tăng thuế hay vay nợ thì đều phát sinh chi phí, qua đó, ảnh hưởng đến tác động kinh tế của chi tiêu công (Brahmbhatt & Canuto, 2012; Teles & Mussolini, 2014).

Tuy nhiên, số nghiên cứu thực nghiệm xem xét vai trò của cách thức tài trợ ngân sách tại các quốc gia đang phát triển còn khá khiêm tốn bởi mối quan hệ phức tạp giữa các biến tài khóa (Afonso & Furceri, 2010; Benos, 2009; Gupta & cộng sự, 2005) cũng như hạn chế về sự sẵn có của các dữ liệu tài khóa tại các quốc gia đang phát triển (Bleaney & cộng sự, 2001). Bởi mối quan hệ phức tạp giữa các biến tài khóa, vấn đề chệch liên quan đến ràng buộc ngân sách trong mô hình tăng trưởng là một hạn chế thường gặp trong các nghiên cứu thực nghiệm (Benos, 2009). Trong khi đó, phần lớn các nghiên cứu thực nghiệm xem xét vai trò của cách thức tài trợ ngân sách trong mối quan hệ giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế được thực hiện tại các quốc gia phát triển (Afonso & Furceri, 2010; Bleaney & cộng sự, 2001; Bose & cộng sự, 2007; Romero-Avila & Strauch, 2008). Vì vậy, để giải quyết vấn đề nêu trên, bằng việc xem xét vai trò của cán cân ngân sách như một biến giả, nghiên cứu này phân tích các trạng thái khác nhau của cán cân ngân sách sẽ ảnh hưởng như thế nào đến tác động kinh tế của chi tiêu công tại các quốc gia đang phát triển.

Theo đó, để trả lời câu hỏi nghiên cứu đặt ra, sau phần giới thiệu, bài viết được cấu trúc như sau: Phần 2 trình bày cơ sở lý thuyết và lược khảo các nghiên cứu trước; phần 3 giới thiệu mô hình thực nghiệm; phần 4 khái quát về phương pháp và dữ liệu nghiên cứu; phần 5 tóm lược kết quả ước lượng và thảo luận; và cuối cùng là phần 6, kết luận và gợi ý chính sách.

2. Cơ sở lý thuyết

Vai trò của chính phủ đối với nền kinh tế hay bản chất kinh tế của tài chính công một phần bắt nguồn từ sự quan tâm của chính phủ đến quy mô chiếc bánh kinh tế (Sử Đình Thành & Bùi Thị Mai Hoài, 2009). Có hai quan điểm về sự can thiệp của chính phủ đối với nền kinh tế. Quan điểm tài chính công truyền thống cho rằng các hoạt động kinh tế nên để cho khu vực tư nhân quyết định, hay khái quát hơn: Chính phủ nên đứng ngoài các hoạt động kinh tế, “Laissez-faire” – Hãy để mặc thị trường (Hyman, 2014). Tuy nhiên, lịch sử kinh tế thế giới chỉ ra rằng nền kinh tế tự do cạnh tranh không thể mãi duy trì tính ổn định tự thân của nó cũng như chính phủ không thể giải quyết mọi vấn đề tài chính công một cách biệt lập với những vấn đề kinh tế (Sử Đình Thành & Bùi Thị Mai Hoài, 2009). Để thị trường phát triển ổn định, một quan điểm mới được hình thành: Nền kinh tế cần có sự can thiệp

của nhà nước. Cùng với chính sách tiền tệ, nhà nước sử dụng các công cụ của chính sách tài khóa như thuế và chi tiêu công để điều tiết nền kinh tế.

Tuy nhiên, cơ chế và mức độ tác động kinh tế của chi tiêu công vẫn còn nhiều tranh luận và được lí giải dựa trên các nền tảng lí thuyết khác nhau. Theo kinh tế học Keynes, sản lượng đầu ra của nền kinh tế do tổng cầu quyết định. Trong khi đó, cùng với các yếu tố như: Tiêu dùng, thu nhập và xuất khẩu ròng, chi tiêu công được xem như một dẫn xuất quan trọng của tổng cầu (Coddington, 1976). Vì vậy, Keynes cho rằng sự tham gia của chính phủ vào nền kinh tế là cần thiết. Khi nền kinh tế suy thoái, chính phủ cần duy trì cầu đầu tư để kích thích đầu tư tư nhân bằng các chương trình đầu tư công lớn, đây còn được gọi là giả thuyết về hiệu ứng “thúc đẩy” của chi tiêu công đối với đầu tư tư nhân (Coenen & Straub, 2005; Jahan & cộng sự, 2014). Ngược lại, các mô hình tăng trưởng tân cổ điển lập luận về tác động “chèn lấn” của chi tiêu công đối với đầu tư tư nhân (Aschauer, 1989; Carlson & Spencer, 1975; Greene & Villanueva, 1991; Ramirez, 2000; Spencer & Yohe, 1970). Chi đầu tư của chính phủ có thể thay thế trực tiếp cho đầu tư tư nhân, qua đó, làm chậm tăng trưởng trong tương lai (Ramirez, 2000). Hơn nữa, nhu cầu của chính phủ về hàng hóa dịch vụ có thể khiến lãi suất gia tăng. Qua đó, nguồn vốn trở nên đắt đỏ hơn, tác động tiêu cực đến khả năng tiếp cận vốn của khu vực tư nhân. Với việc tăng thuế hay vay nợ để tài trợ cho chi tiêu công, chi tiêu công cũng gây khó khăn cho khu vực tư trong việc tiếp cận các nguồn lực tài chính khan hiếm của nền kinh tế (Greene & Villanueva, 1991; Ramirez, 2000). Tuy nhiên, trong mô hình tăng trưởng tân cổ điển, tốc độ tăng của các biến ngoại sinh như dân số hay tiến bộ công nghệ là các yếu tố quyết định tốc độ tăng trưởng trong dài hạn. Chi tiêu công có thể ảnh hưởng đến động lực đầu tư vào vốn con người hoặc vốn đầu tư, nhưng trong dài hạn, nó không ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng (Bleaney & cộng sự, 2001). Theo đó, dựa trên mô hình tân cổ điển, các mô hình tăng trưởng nội sinh ra đời lí giải chi tiêu công như một yếu tố quan trọng tác động đến tăng trưởng (Barro, 1990; Devarajan & cộng sự, 1996; King & Rebelo, 1990). Như mô hình của Barro (1990) luận giải, chi tiêu công có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, lí thuyết đường cong Armey hàm ý về tác động phi tuyến của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế (Altunc & Aydın, 2013; Arestis, 2011; Chen & Lee, 2005; Herath, 2012; Pevcin, 2004).

Trong khi đó, luận giải về cách thức các khoản chi tiêu công được tài trợ, thuyết cân bằng Ricardo đưa ra giả thuyết rằng không có sự khác biệt về cách thức tài trợ chi tiêu công bằng tăng thuế hay vay nợ (Zagler & Dürnecker, 2003) đến hiệu quả kinh tế của chi tiêu công. Ý tưởng nền tảng của thuyết cân bằng Ricardo dựa trên giả định rằng khu vực tư nhân nhận định thâm hụt ngân sách hiện tại đơn giản là sự trì hoãn thuế. Vì vậy, khi chính phủ tài trợ chi tiêu công hiện tại bằng nợ công, khu vực tư sẽ dự đoán rằng chính phủ phải tăng thuế để trả nợ trong tương lai nên họ tiêu dùng ít hơn (tiết kiệm nhiều hơn) để chi trả cho khoản thuế tăng trong tương lai. Theo đó, Barro (1974) luận giải rằng các thay đổi về tài khóa liên quan đến thay đổi cách thức tài trợ đối với một khoản chi tiêu công (bằng tăng thuế hay vay nợ) sẽ không ảnh hưởng đến tổng cầu, lãi suất và sự hình thành vốn.

Tuy nhiên, cũng có những quan điểm không ủng hộ thuyết cân bằng của Ricardo như: Barro (1989), Ludvigson (1996); Zagler và Dürnecker (2003). Barro (1989) đúc kết 5 luận điểm chỉ trích các luận giải của thuyết cân bằng Ricardo: (1) Con người không thể sống mãi, do đó, họ không quan tâm đến thuế phải trả trong tương lai; (2) thị trường vốn là không hoàn hảo; (3) thuế và thu nhập trong tương lai là không chắc chắn; (4) không có thuế trọn gói (Lump-sum Tax); và (5) không thể có trạng thái mọi người đều có việc làm. Vì vậy, cán cân ngân sách sẽ tác động gián tiếp đến tăng trưởng kinh tế (Zagler & Dürnecker, 2003). Như chính Barro (1989) nhận định, thuyết cân bằng Ricardo vẫn còn nhiều tranh luận, vì vậy, sẽ rất hữu ích khi thu thập thêm bằng chứng, đặc biệt là trong bối cảnh quốc tế.

Dựa vào các nền tảng lí thuyết trên, các nghiên cứu thực nghiệm phân tích tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế tại các trường hợp nghiên cứu khác nhau. Tuy nhiên, cũng như các nghiên cứu lí thuyết, kết quả kiểm định thực nghiệm vẫn chưa thống nhất và có nhiều kết luận trái chiều. Một số nghiên cứu thực nghiệm phát hiện tác động âm của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế (Dar & AmirKhalkhali, 2002; Fölster & Henrekson, 2001; Grier & Tullock, 1989; Landau, 1985; Marlow, 1988; Schaltegger & Torgler, 2006). Một số nghiên cứu tìm thấy tác động dương của quy mô chính phủ lên tăng trưởng kinh tế (Alexiou, 2009; Alleyne & cộng sự, 2004; Easterly & Rebelo, 1993; Karras, 1993; Ram, 1986). Trong khi đó, một số nghiên cứu lại tìm thấy tác động phi tuyến của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế (Abounoori & Nademi, 2010; Altunc & Aydın, 2013; Chen & Lee, 2005; Herath, 2012; Pevcin, 2004).

Lí giải cho kết quả kiểm định hỗn hợp này, Gemmell & cộng sự (2012) chỉ ra vai trò của ràng buộc ngân sách trong mối quan hệ giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, các nghiên cứu thực nghiệm xem xét vai trò của ràng buộc ngân sách trong mối quan hệ giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế còn khá hạn chế (Gemmell & cộng sự, 2012; Kneller & cộng sự, 1999; Teles & Mussolini, 2014). Hơn nữa, các nghiên cứu này chủ yếu được thực hiện ở các quốc gia phát triển (Afonso & Furceri, 2010; Bleaney & cộng sự, 2001; Bose & cộng sự, 2007; Fournier, 2016; Fournier & Johansson, 2016; Mourougane & cộng sự, 2016; Romero-Avila & Strauch, 2008). Ngoài ra, như Benos (2009) nhận định, vấn đề chệch liên quan đến ràng buộc ngân sách trong mô hình tăng trưởng là một hạn chế thường gặp trong nhiều nghiên cứu trước. Một sự thay đổi của một biến tài khóa, chẳng hạn như tăng chi tiêu công không chỉ tác động đến tăng trưởng kinh tế mà còn phải được bù đắp bằng sự thay đổi trong một biến tài khóa khác, chẳng hạn làm tăng mức độ thâm hụt ngân sách. Vì vậy, nếu đo lường chi tiêu công và cán cân ngân sách trong cùng mô hình, hệ số tác động của các biến tài khóa sẽ bị chệch. Để phần nào giải quyết vấn đề này, bằng việc xem xét vai trò của cán cân ngân sách như một biến giả, bài viết khám phá các trạng thái khác nhau của cán cân ngân sách sẽ ảnh hưởng như thế nào đến tác động kinh tế của chi tiêu công tại các quốc gia đang phát triển.

Với mục tiêu kiểm định thực nghiệm tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế, bài viết thiết lập khung phân tích thông qua việc mở rộng mô hình tăng trưởng nội sinh của

Barro (1990). So với mô hình tăng trưởng nội sinh, các mô hình nghiên cứu thuộc trường phái Keynes thường đặt trọng tâm phân tích tác động từ phía cầu. Các nghiên cứu xem xét tác động của tiêu dùng và đầu tư một cách riêng biệt (Gemmell & cộng sự, 2012). Do đó, các mô hình này thường được sử dụng trong các kiểm định tác động ngắn hạn của chi tiêu công (Beetsma & Giuliadori, 2011). Ngược lại, với giả định về trạng thái cân bằng (Steady-state), các mô hình tăng trưởng nội sinh, đặc biệt là mô hình của Barro (1990), Devarajan và cộng sự (1996) thường được sử dụng trong các nghiên cứu kiểm định tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế (Gemmell & cộng sự, 2012).

3. Mô hình nghiên cứu

Dựa vào nghiên cứu của Barro (1990), Mankiw và cộng sự (1992), và Cooray (2009), nghiên cứu này bắt đầu với hàm sản xuất Cobb-Douglas bao gồm vốn chính phủ như sau:

$$y_t = Ak_t^\alpha h_t^\beta g_t^\gamma \quad (1)$$

Trong đó,

y_t : Sản lượng đầu ra trên đầu người;

k_t : Vốn đầu tư tư nhân trên đầu người;

h_t : Vốn con người trên đầu người;

g_t : Quy mô chính phủ, được thể hiện bằng vốn chính phủ trên đầu người.

Ở trạng thái cân bằng, tác giả gọi ϖ là biến số đo lường tiến bộ công nghệ, n là biến số thể hiện tốc độ tăng trưởng lao động, tỉ lệ chiết khấu vốn là δ . Với phần thu nhập dành cho vốn đầu tư tư nhân, vốn con người và vốn chính phủ lần lượt là s_K , s_H , và s_G , theo Cooray (2009), trạng thái cân bằng đạt được khi phần gia tăng của mỗi loại vốn có cùng tốc độ với sự gia tăng của lực lượng lao động và thay thế phần vốn bị khấu hao với tốc độ chiết khấu δ . Theo đó, trạng thái cân bằng của tăng trưởng đầu ra được biểu thị dưới dạng hàm log tuyến tính như sau:

$$\ln \left[\frac{Y_t}{L_t} \right]^* = a_0 + a_1 \ln \left[\frac{s_K}{n+\varpi+\delta} \right] + a_2 \ln \left[\frac{s_H}{n+\varpi+\delta} \right] + a_3 \ln \left[\frac{s_G}{n+\varpi+\delta} \right] \quad (2)$$

Tốc độ tăng trưởng bình quân đầu người ở trạng thái cân bằng được biểu thị dưới dạng:

$$\ln y_t - \ln y_{t-1} = (1 - e^{-\lambda t})(\ln y_t^* - \ln y_{t-1}) \quad (3)$$

Trong đó,

y_{t-1} : Thu nhập bình quân đầu người năm trước đó;

y^* : Thu nhập bình quân đầu người ở trạng thái cân bằng.

Trừ y_{t-1} ở cả hai vế của phương trình và thay thế y^* theo phương trình (2), ta có:

$$\ln y_t - \ln y_{t-1} = a_1 \ln \left[\frac{s_K}{n+\varpi+\delta} \right] + a_2 \ln \left[\frac{s_H}{n+\varpi+\delta} \right] + a_3 \ln \left[\frac{s_G}{n+\varpi+\delta} \right] + a_4 \ln y_{t-1} + \varepsilon_t \quad (4)$$

Theo phương trình trên, tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người phụ thuộc vào vốn tích lũy của vốn đầu tư tư nhân, vốn con người, vốn chính phủ.

Để kiểm định thực nghiệm với trường hợp nghiên cứu ở các quốc gia đang phát triển, phương trình thực nghiệm có dạng như sau:

$$\text{growth}_{it} = \alpha_{it} + \beta \text{gdppc}_{it-1} + \lambda X_{it} + \delta g_{it} + \varepsilon_{it} \quad (5)$$

Trong đó,

i và t: Chỉ số về quốc gia và thời gian.

$\text{growth}_{it} = \ln y_{it} = \ln y_{it} - \ln y_{it-1}$: Biến đại diện tốc độ tăng trưởng kinh tế, được đo lường bằng sai phân bậc nhất của GDP bình quân đầu người thực;

gdppc_{t-1} : Biến đại diện cho trạng thái tăng trưởng kinh tế ban đầu, được đo lường bằng logarit của GDP bình quân đầu người thực năm t-1;

g_{it} : Biến chỉ tiêu công, được đo lường bằng chỉ tiêu công trên GDP;

X_{it} : Tập hợp các biến kiểm soát, bao gồm:

k: Vốn đầu tư, được đo lường bằng vốn đầu tư trên GDP,

h: Vốn con người, được đo lường bằng logarit của chỉ số vốn con người,

trade: Độ mở thương mại, được đo lường bằng tỉ lệ xuất khẩu trên GDP, và

fdi: Dòng vốn đầu tư nước ngoài, đo lường dòng vốn đầu tư FDI ròng.

Việc lựa chọn các biến kiểm soát dựa vào lược khảo các nghiên cứu trước và sự sẵn có của dữ liệu (Asheghian, 2004; Barro, 1991; Levine & Renelt, 1992; Lucas, 1988; Su Dinh Thanh, 2014; Yanikkaya, 2003).

Bên cạnh đó, để xem xét vai trò của cán cân ngân sách, tác giả lần lượt đưa biến giả về cán cân ngân sách (budget – Giá trị 0 là thâm hụt ngân sách; giá trị 1 là thặng dư ngân sách) và biến tương tác giữa chỉ tiêu công và cán cân ngân sách (g.budget) vào mô hình thực nghiệm:

$$\text{growth}_{it} = \alpha_{it} + \beta \text{gdppc}_{it-1} + \lambda X_{it} + \delta g_{it} + \gamma_1 \text{budget}_{it} + \varepsilon_{it} \quad (6)$$

$$\text{growth}_{it} = \alpha_{it} + \beta \text{gdppc}_{it-1} + \lambda X_{it} + \delta g_{it} + \gamma_1 \text{budget}_{it} + \gamma_2 g \cdot \text{budget}_{it} + \varepsilon_{it} \quad (7)$$

Nguồn dữ liệu và định nghĩa các biến được trình bày ở Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1

Nguồn dữ liệu và định nghĩa

Biến	Định nghĩa	Nguồn dữ liệu
Biến phụ thuộc	growth	Sai phân bậc nhất của logarit GDP bình quân đầu người thực
	gdppc	Logarit của GDP bình quân đầu người thực
Biến kiểm soát	k	Tỉ lệ vốn đầu tư trên GDP
	h	Logarit của chỉ số vốn con người

Biến		Định nghĩa	Nguồn dữ liệu
	fdi	Tỉ lệ FDI ròng trên GDP	IMF (2017)
	trade	Tỉ lệ xuất khẩu trên GDP	IMF (2017)
Biến	g	Tỉ lệ chi tiêu công trên GDP	IMF (2017)
nghiên cứu	budget	Biến giả về cán cân ngân sách	Theo tính toán của tác giả từ nguồn dữ liệu của IMF (2017)

4. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

4.1. Phương pháp nghiên cứu

Để phân tích thực nghiệm, nghiên cứu áp dụng phương pháp ước lượng GMM sai phân của Arellano và Bond (1991), Arellano và Bover (1995), Blundell và Bond (1998). Trong điều kiện các biến vĩ mô trong mô hình có khả năng nội sinh cùng khuyết tật khác (như phương sai thay đổi và tự tương quan) thì ước lượng GMM được xem là kĩ thuật ước lượng phù hợp. Phương pháp GMM sai phân sẽ xử lí được hiện tượng tự tương quan này bằng cách lấy độ trễ của các biến làm công cụ. Ngoài ra, khi chuyển sang hồi quy với biến sai phân bậc 1, các độ chệch tiềm ẩn do bỏ sót biến và các hiệu ứng cố định của các đơn vị chéo cũng sẽ được loại bỏ.

Sau khi thực hiện kiểm định với phương pháp GMM, qua chỉ số kiểm định Hansen/Sargan, tính hợp lí của các biến công cụ được sử dụng trong ước lượng GMM được đánh giá. Kiểm định Hansen/Sargan là kiểm định giới hạn về nội sinh của mô hình (Overidentifying Restrictions). Kiểm định Hansen/Sargan, với giả thuyết H_0 : Biến công cụ là biến ngoại sinh, có nghĩa là không tương quan với sai số trong mô hình. Ngoài ra, các kiểm định về khả năng xảy ra tự tương quan của sai số mô hình và giá trị của biến công cụ cũng được xem xét. Kiểm định Arellano-Bond về tự tương quan có giả thuyết H_0 : Không tự tương quan và được áp dụng cho số dư sai phân. Kiểm định tiến trình AR(1) trong sai phân bậc 1 thường bác bỏ giả thuyết H_0 . Theo đó, kiểm định AR(2) được chú trọng hơn bởi vì nó kiểm tra tự tương quan ở các cấp độ.

4.2. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu là dữ liệu thứ cấp đo lường các biến được mô tả trong mô hình thực nghiệm. Dữ liệu được thu thập theo năm về 66 quốc gia đang phát triển giai đoạn 1998–2016. Trong đó, phần lớn các biến chủ yếu được thu thập từ bộ dữ liệu của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), riêng chỉ số vốn con người được trích xuất từ bộ dữ liệu Penn World Table 9.0 của Trung tâm Tăng trưởng và Phát triển Groningen (Feenstra & cộng sự, 2015). Thống kê mô tả các biến được trình bày ở Bảng 2 dưới đây.

Bảng 2

Thống kê mô tả các biến

Biến	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
growth	1.188	0,063	0,136	-1,023	0,751
gdppc	1.254	7,845	1,259	4,714	10,906
k	1.254	22,972	7,278	1,729	51,335
h	1.254	0,808	0,250	0,131	1,221
fdi	1.254	3,974	6,117	-16,071	89,476
trade	1.254	36,974	20,553	0,099	121,311
g	1.254	28,022	9,282	8,772	63,323
budget	1.254	0,187	0,390	0	1

5. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Với dữ liệu từ các quốc gia đang phát triển, tác giả thực hiện kiểm định tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế bằng phương pháp GMM. Kết quả kiểm định các phương trình (5), (6), (7) lần lượt được trình bày ở cột (1), (2) và (3) của Bảng 3.

Bảng 3

Kết quả kiểm định tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển, giai đoạn 1998–2016

Mô hình	(1)	(2)	(3)
gdppc	-0,598***	-0,561***	-0,595***
k	0,010***	0,011***	0,008***
h	3,513***	3,180***	3,349***
fdi	0,005***	0,006***	0,007***
trade	0,011***	0,012***	0,012***
g	-0,021***	-0,019***	-0,020***
budget		-0,065***	-0,258***
g.budget			0,007**
Kiểm định Hansen	0,439	0,59	0,485
Kiểm định Sargan	0,896	0,747	0,842
Kiểm định AR(2)	0,142	0,2	0,424
Biến công cụ	41	42	43

Ghi chú: **, *** lần lượt tương ứng với các mức ý nghĩa 5%, 1%;

Biến phụ thuộc: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (growth_{it});

Phương pháp ước lượng: Dif-GMM.

Kết quả kiểm định cho thấy tác động của các biến kiểm soát đều phản ánh đúng theo kì vọng ban đầu. Vốn đầu tư, vốn con người, vốn FDI và độ mở thương mại tạo ra tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Trong khi đó, hệ số hồi quy của biến trễ GDP bình quân đầu người âm phản ánh lí thuyết hội tụ kinh tế tại các quốc gia đang phát triển.

Biến chi tiêu công tác động âm đến tăng trưởng kinh tế, tương đồng với một số nghiên cứu trước (Grier & Tullock, 1989; Günalp & Gür, 2002; Gupta & cộng sự, 2005; Landau, 1985). Như Günalp và Gür (2002) lí giải, quy mô chính phủ lớn gây ra trở ngại cho tăng trưởng kinh tế vì các khoản thuế cần thiết để tài trợ chi tiêu của chính phủ làm méo mó các động cơ làm việc và đầu tư. Ngoài ra, kết quả cũng phần nào phản ánh hiệu quả sử dụng vốn chi tiêu công hạn chế tại các quốc gia đang phát triển (Berg & cộng sự, 2012; Brumby & Kaiser, 2012; Gemmell và cộng sự, 2012; Gupta & cộng sự, 2014). Nghiên cứu của Berg và cộng sự (2012) ở các quốc gia thu nhập thấp (LICs) cho thấy một phần lớn chi tiêu công ở các quốc gia này là lãng phí hoặc dùng cho những dự án không hiệu quả. Gupta và cộng sự (2014) nhận định mỗi đơn vị chi tiêu công ở các quốc gia đang phát triển chỉ tạo ra được nửa đơn vị giá trị cơ sở vật chất tương ứng. Do đó, để đạt được mục tiêu tăng trưởng, các quốc gia đang phát triển cần kiểm soát quy mô chi tiêu công nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, các giải pháp nhằm cải thiện hiệu quả sử dụng vốn chi tiêu công là rất cần thiết và cấp bách tại các quốc gia đang phát triển.

Trong khi đó, biến cán cân ngân sách có ý nghĩa thống kê, điều này cho thấy các trạng thái của cán cân ngân sách có tác động khác nhau đến tốc độ tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, tác động này vẫn còn nhiều tranh luận: Ở một phương diện, thâm hụt ngân sách buộc các chính phủ phải vay nợ, qua đó, nợ công tăng có thể tạo ra tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Ở một phương diện khác, thặng dư ngân sách, ví dụ như tăng thuế để tài trợ chi tiêu công, cũng có thể tạo ra tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là tăng các loại thuế gây biến dạng (Afonso & Furceri, 2010; Tanzi & Zee, 2001). Nghiên cứu của Tanzi và Zee (2001) nhận định do cấu trúc không chính thức của nền kinh tế cũng như những hạn chế về tài chính, cấu trúc thuế tại các quốc gia đang phát triển thường là không hiệu quả. Vì vậy, việc chưa xem xét cấu trúc thuế cũng như sự tương tác giữa thuế và nợ công (việc xem xét cùng lúc các biến tài khóa, dẫn đến vấn đề chệch do sự đánh đổi giữa các yếu tố này) là hạn chế của nghiên cứu này và là hướng nghiên cứu tiếp theo cho các nghiên cứu cùng chủ đề.

Qua phân tích vai trò của cán cân ngân sách trong mối quan hệ giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra vai trò quan trọng của việc cân bằng cán cân ngân sách trong việc hiệu chỉnh tác động kinh tế của chi tiêu công. Cụ thể, cân bằng ngân sách sẽ giúp cải thiện tác động tiêu cực của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển. Tương tự như Teles và Mussolini (2014) luận giải: Khi chính phủ gia tăng chi tiêu công nhưng ngân sách không đủ để tài trợ thì sự tăng lên này có thể tạo ra tác động âm vì nó làm tăng nợ chính phủ và làm giảm phần tiết kiệm được tài trợ cho đầu tư tư nhân. Vì vậy, cân bằng cán cân ngân sách sẽ cải thiện hiệu quả kinh tế của chi tiêu công. Tuy nhiên, như lí giải ở phần trên, tài trợ chi tiêu công bằng thuế cũng có thể tạo ra

tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế, điều này hàm ý rằng khi cán cân ngân sách thâm hụt, chính phủ không nên tăng chi tiêu công bởi chi tiêu công tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Ngược lại, khi cán cân ngân sách thặng dư, chính sách tài khóa cần được xem xét cẩn trọng bởi cân bằng ngân sách làm giảm tác động tiêu cực của chi tiêu công, song việc tài trợ chi tiêu công bằng thuế cũng có thể tạo ra tác động tiêu cực đối với tăng trưởng kinh tế.

6. Kết luận và hàm ý chính sách

Với mục tiêu khám phá tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển giai đoạn 1998–2016, kết quả nghiên cứu đã làm rõ hơn các tác động cũng như sự tương tác giữa chi tiêu công và tình hình cán cân ngân sách đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia phân tích.

Kết quả kiểm định cho thấy chi tiêu công tác động âm đến tăng trưởng kinh tế, hàm ý quy mô chính phủ lớn hơn sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế cũng như phản ánh thực trạng sử dụng vốn chi tiêu công không hiệu quả tại các quốc gia đang phát triển. Nghiên cứu cũng chỉ ra vai trò quan trọng của cân đối ngân sách trong việc hiệu chỉnh tác động kinh tế của chi tiêu công. Khi cán cân ngân sách thâm hụt, chi tiêu công tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển. Ngược lại, khi cán cân ngân sách thặng dư, chính sách tài khóa cần được xem xét cẩn trọng bởi hiệu ứng đánh đổi giữa các biến tài khóa làm cho tác động thuần của chính sách tài khóa rất khó được ước lượng chính xác. Theo đó, để cải thiện hiệu quả kinh tế của chi tiêu công tại các quốc gia đang phát triển có tình trạng cán cân ngân sách thâm hụt, các quốc gia này cần kết hợp hài hòa các giải pháp kiểm soát quy mô, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn chi tiêu công và cải thiện tình hình thâm hụt ngân sách■

Tài liệu tham khảo

- Abounoori, E., & Nademi, Y. (2010). Government size threshold and economic growth in Iran. *International Journal of Business and Development Studies*, 2(1), 95–108.
- Afonso, A., & Furceri, D. (2010). Government size, composition, volatility and economic growth. *European Journal of Political Economy*, 26(4), 517–532.
- Alexiou, C. (2009). Government spending and economic growth: Econometric evidence from the South Eastern Europe (SEE). *Journal of Economic and Social Research*, 11(1), 1–6.
- Alleyne, K.-A, Lewis-Bynoe, D., & Moore, W. (2004). An assessment of the growth-enhancing size of government in the Caribbean. *Applied Econometrics and International Development*, 4(3), 77–94.
- Altunc, O. F., & Aydın, C. (2013). The relationship between optimal size of government and

- economic growth: Empirical evidence from Turkey, Romania and Bulgaria. *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 92, 66–75.
- Arellano, M., & Bond, S. (1991). Some tests of specification for panel data: Monte Carlo evidence and an application to employment equations. *The Review of Economic Studies*, 58(2), 277–297.
- Arellano, M., & Bover, O. (1995). Another look at the instrumental variable estimation of error-components models. *Journal of Econometrics*, 68(1), 29–51.
- Arestis, P. (2011). Fiscal policy is still an effective instrument of macroeconomic policy. *Panoeconomicus*, 58(2), 143–156.
- Aschauer, D. A. (1989). Is public expenditure productive? *Journal of Monetary Economics*, 23(2), 177–200.
- Asheghian, P. (2004). Determinants of economic growth in the United States: The role of foreign direct investment. *The International Trade Journal*, 18(1), 63–83.
- Barro, R. J. (1974). Are government bonds net wealth? *Journal of Political Economy*, 82(6), 1095–1117.
- Barro, R. J. (1989). The Ricardian approach to budget deficits. *Journal of Economic Perspectives*, 3(2), 37–54.
- Barro, R. J. (1990). Government spending in a simple model of endogenous growth. *Journal of Political Economy*, 98(5, Pt. 2), 103–125.
- Barro, R. J. (1991). Economic growth in a cross section of countries. *The Quarterly Journal of Economics*, 106(2), 407–443.
- Beetsma, R., & Giuliodori, M. (2011). The effects of government purchases shocks: review and estimates for the EU. *The Economic Journal*, 121(550), F4–F32.
- Benos, N. (2009). *Fiscal policy and economic growth: Empirical evidence from EU countries*. MPRA Paper from University Library of Munich, Germany. Retrieved from https://mpra.ub.uni-muenchen.de/19174/1/MPRA_paper_19174.pdf
- Berg, M. A., Portillo, R., Buffie, M. E. F., Pattillo, M. C. A., & Zanna, L.-F. (2012). Public investment, growth, and debt sustainability: Putting together the pieces. *IMF Working Papers*, No. 12/144.
- Bleaney, M., Gemmell, N., & Kneller, R. (2001). Testing the endogenous growth model: public expenditure, taxation, and growth over the long run. *Canadian Journal of Economics*, 34(1), 36–57.
- Blundell, R., & Bond, S. (1998). Initial conditions and moment restrictions in dynamic panel data models. *Journal of Econometrics*, 87(1), 115–143.

- Bose, N., Haque, M. E., & Osborn, D. R. (2007). Public expenditure and economic growth: A disaggregated analysis for developing countries. *The Manchester School*, 75(5), 533–556.
- Brahmbhatt, M., & Canuto, O. (2012). Fiscal Policy for Growth and Development. In B., Moreno-Dodson (Ed.) *Is Fiscal Policy the Answer? A Developing Country Perspective* (pp. 1–22). Washington, DC: World Bank.
- Brumby, J., & Kaiser, K. (2012). Public Investment Management Challenges and Tools. I In B., Moreno-Dodson (Ed.) *Is Fiscal Policy the Answer? A Developing Country Perspective* (pp. 109–146). Washington, DC: World Bank.
- Carlson, K. M., & Spencer, R. W. (1975). Crowding out and its critics. Retrieved from http://www.utm.edu/staff/davidt/finance/ism/Crowding_Dec1975.pdf
- Chen, S.-T., & Lee, C.-C. (2005). Government size and economic growth in Taiwan: A threshold regression approach. *Journal of Policy Modeling*, 27(9), 1051–1066.
- Coddington, A. (1976). Keynesian economics: The search for first principles. *Journal of Economic Literature*, 14(4), 1258–1273.
- Coenen, G., & Straub, R. (2005). Does government spending crowd in private consumption? Theory and empirical evidence for the euro area. *International Finance*, 8(3), 435–470.
- Dar, A. A., & AmirKhalkhali, S. (2002). Government size, factor accumulation, and economic growth: evidence from OECD countries. *Journal of Policy Modeling*, 24(7–8), 679–692.
- Devarajan, S., Swaroop, V., & Zou, H.-f. (1996). The composition of public expenditure and economic growth. *Journal of Monetary Economics*, 37(2), 313–344.
- Easterly, W., & Rebelo, S. (1993). Fiscal policy and economic growth. *Journal of Monetary Economics*, 32(3), 417–458.
- Feenstra, R. C., Inklaar, R., & Timmer, M. P. (2015). The next generation of the Penn World Table. *American Economic Review*, 105(10), 3150–3182.
- Fölster, S., & Henrekson, M. (2001). Growth effects of government expenditure and taxation in rich countries. *European Economic Review*, 45(8), 1501–1520.
- Fournier, J.-M. (2016). The positive effect of public investment on potential growth. *OECD Economic Department Working Papers*, No. 1347. doi: 10.1787/15e400d4-en
- Fournier, J.-M., & Johansson, Å. (2016). The effect of the size and the mix of public spending on growth and inequality. *OECD Economic Department Working Papers*, No. 1344. doi: 10.1787/f99f6b36-en
- Gemmell, N., Misch, F., & Moreno-Dodson, B. (2012). Public spending and long-run growth in practice: Concepts, tools, and evidence. In B. Moreno-Dodson (Ed.) *Is Fiscal Policy the Answer? A Developing Country Perspective* (pp. 69–107). Washington DC: The World Bank.

- Greene, J., & Villanueva, D. (1991). Private investment in developing countries: An empirical analysis. *Staff Papers*, 38(1), 33–58.
- Grier, K. B., & Tullock, G. (1989). An empirical analysis of cross-national economic growth, 1951–1980. *Journal of Monetary Economics*, 24(2), 259–276.
- Güenalp, B., & Gür, T. H. (2002). Government expenditures and economic growth in developing countries: Evidence from a panel data analysis. *METU Studies in Development*, 29(3–4), 311–332.
- Gupta, S., Clements, B., Baldacci, E., & Mulas-Granados, C. (2005). Fiscal policy, expenditure composition, and growth in low-income countries. *Journal of International Money and Finance*, 24(3), 441–463.
- Gupta, S., Kangur, A., Papageorgiou, C., & Wane, A. (2014). Efficiency-adjusted public capital and growth. *World Development*, 57, 164–178.
- Herath, S. (2012). Size of government and economic growth: A nonlinear analysis. *Economic Annals*, 57(194), 7–30.
- Hyman, D. N. (2014). *Public finance: A contemporary application of theory to policy*. Boston: Cengage Learning.
- IMF. (2014). *Public Expenditure Reform: Making Difficult Choices*. Retrieved from <http://www.imf.org/en/Publications/FM/Issues/2016/12/31/Public-Expenditure-Reform-Making-Difficult-Choices>
- IMF. (2017). World Economic Outlook Database. Retrieved from <https://www.imf.org/external/pubs/ft/weo/2017/02/weodata/index.aspx>
- Jahan, S., Mahmud, A. S., & Papageorgiou, C. (2014). What is Keynesian economics. *Finance & Development*, 51(3), 53–54.
- Karras, G. (1993). Employment and output effects of government spending: Is government size important? *Economic Inquiry*, 31(3), 354–369.
- Keynes, J. M. (2016). *The general theory of employment, interest and money*. Seattle: Stellar Classics.
- King, R. G., & Rebelo, S. (1990). Public policy and economic growth: developing neoclassical implications. *Journal of Political Economy*, 98(5, Part 2), S126–S150.
- Kneller, R., Bleaney, M. F., & Gemmell, N. (1999). Fiscal policy and growth: Evidence from OECD countries. *Journal of Public Economics*, 74(2), 171–190.
- Landau, D. L. (1985). Government expenditure and economic growth in the developed countries: 1952–76. *Public Choice*, 47(3), 459–477.
- Levine, R., & Renelt, D. (1992). A sensitivity analysis of cross-country growth regressions.

- The American Economic Review*, 82(4), 942–963.
- Lucas, R. E. (1988). On the mechanics of economic development. *Journal of Monetary Economics*, 22(1), 3–42.
- Ludvigson, S. (1996). The macroeconomic effects of government debt in a stochastic growth model. *Journal of Monetary Economics*, 38(1), 25–45.
- Mankiw, N. G., Romer, D., & Weil, D. N. (1992). A contribution to the empirics of economic growth. *The Quarterly Journal of Economics*, 107(2), 407–437.
- Marlow, M. L. (1988). Fiscal decentralization and government size. *Public Choice*, 56(3), 259–269.
- Mourougane, A., Botev, J., Fournier, J.-M., Pain, N., & Rusticelli, E. (2016). Can an increase in public investment sustainably lift economic growth? *OECD Economic Department Working Papers*. doi: 10.1787/a25a7723-en
- Pevcin, P. (2004). *Does optimal size of government spending exist?* Retrieved from <http://citeseerx.ist.psu.edu/viewdoc/download?doi=10.1.1.586.4621&rep=rep1&type=pdf>
- Ram, R. (1986). Government size and economic growth: A new framework and some evidence from cross-section and time-series data. *The American Economic Review*, 76(1), 191–203.
- Ramirez, M. D. (2000). The impact of public investment on private investment spending in Latin America: 1980–95. *Atlantic Economic Journal*, 28(2), 210–225.
- Romero-Avila, D., & Strauch, R. (2008). Public finances and long-term growth in Europe: Evidence from a panel data analysis. *European Journal of Political Economy*, 24(1), 172–191.
- Schaltegger, C. A., & Torgler, B. (2006). Growth effects of public expenditure on the state and local level: Evidence from a sample of rich governments. *Applied Economics*, 38(10), 1181–1192.
- Spencer, R. W., & Yohe, W. P. (1970). The "crowding out" of private expenditures by fiscal policy actions. *Federal Reserve Bank of St. Louis Review*, 10, 12–24.
- Tanzi, V., & Zee, H. H. (2001). *Tax policy for developing countries* (Economic Issue Vol. 27). Retrieved from <https://www.imf.org/external/pubs/ft/issues/issues27/>
- Teles, V. K., & Mussolini, C. C. (2014). Public debt and the limits of fiscal policy to increase economic growth. *European Economic Review*, 66, 1–15.
- Su Dinh Thanh. (2014). Government size and economic growth in Vietnam: A panel analysis. *Journal of Economic Development*, 222, 17–39. doi:10.24311/jed/2014.222.03
- Sử Đình Thành, & Bùi Thị Mai Hoài. (2009). *Lý thuyết Tài chính công*. TP.HCM: NXB Đại học

Quốc gia TP.HCM.

Yanikkaya, H. (2003). Trade openness and economic growth: A cross-country empirical investigation. *Journal of Development Economics*, 72(1), 57–89.

Zagler, M., & Dürnecker, G. (2003). Fiscal policy and economic growth. *Journal of Economic Surveys*, 17(3), 397–418.